

MỞ ĐẦU

1. LÍ DO CHỌN ĐỀ TÀI

Trong lịch sử phát triển của xã hội loài người, nông nghiệp là ngành sản xuất vật chất lâu đời nhất. Nhân loại đã trải qua nhiều phương thức sản xuất nhưng sản xuất nông nghiệp vẫn có vai trò quan trọng trong hoạt động kinh tế xã hội của loài người. Nông nghiệp không chỉ cung cấp trực tiếp lương thực, thực phẩm cho đời sống hàng ngày của con người mà còn là hoạt động cung cấp nguyên liệu quan trọng cho công nghiệp chế biến, tạo nguồn hàng xuất khẩu. Bên cạnh đó, nông nghiệp còn đóng vai trò to lớn trong việc sử dụng, bảo vệ đất, nguồn nước cũng như cải thiện môi trường.

Ở Việt Nam, nông nghiệp, nông dân và nông thôn có vai trò quan trọng trong suốt quá trình xây dựng và phát triển đất nước. Từ sau Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI, nông nghiệp nước ta có những bước phát triển vượt bậc, giá trị và giá trị sản lượng nông nghiệp liên tục tăng, chủng loại cây trồng, vật nuôi đa dạng hơn, cơ cấu nông nghiệp đang chuyển dịch theo hướng tích cực. An ninh lương thực được giữ vững, nhiều sản phẩm nông nghiệp trở thành mặt hàng xuất khẩu chủ lực như gạo, thủy hải sản, cà phê... Đời sống nhân dân được cải thiện cả vật chất và tinh thần.

Hải Dương là một tỉnh thuộc đồng bằng sông Hồng có nhiều lợi thế để sản xuất nông nghiệp. Những năm qua, sản xuất nông nghiệp đạt được thành tựu khá vững chắc. Năm 2010, GDP nông, lâm, thủy sản trong cơ cấu GDP của tỉnh chiếm 23% cao hơn so với cả nước (20,6%) và cao hơn các tỉnh đồng bằng sông Hồng (12,6%). Khu vực nông nghiệp thu hút 54,5% lực lượng lao động của tỉnh. Tuy nhiên, trong quá trình CNH, HĐH, diện tích đất nông nghiệp ngày càng giảm, thị trường nông sản có nhiều biến động, những rủi ro trong nông nghiệp do chịu ảnh hưởng của thiên tai... đang gây ra những khó khăn cho phát triển nông nghiệp Hải Dương.

Để sản xuất nông nghiệp Hải Dương tiếp tục ổn định và phát triển trong giai đoạn hiện nay cũng như có những định hướng chiến lược cho tương lai, những nghiên cứu về sự phát triển nông nghiệp cần phải có sự nhìn nhận đúng vai trò, đánh giá một cách khách quan các nguồn lực cho phát triển nông nghiệp của tỉnh. Xuất phát từ thực tế phát triển nông nghiệp của tỉnh, đề tài "*Nghiên cứu sự phát triển nông nghiệp ở tỉnh Hải Dương*" được lựa chọn làm luận án Tiến sĩ nhằm góp phần luận giải quá trình phát triển nông nghiệp tỉnh Hải Dương từ năm 2000 đến nay dưới tác động của các nhân tố bên trong cũng như bên ngoài. Từ đó đề xuất những giải pháp có cơ sở khoa học cho quá trình phát triển nông nghiệp của tỉnh trong các giai đoạn tiếp theo.

2. TỔNG QUAN VẤN ĐỀ NGHIÊN CỨU

2.1. Trên thế giới

- Trong hệ thống lí luận về phát triển kinh tế trên thế giới, những nghiên cứu lí luận về giai đoạn phát triển kinh tế chiếm một vị trí quan trọng. Tiêu biểu cho hướng nghiên cứu này là nhà kinh tế người Mỹ, Walter W. Rostow. Theo lí thuyết của W. Rostow: quá trình phát triển kinh tế của mỗi quốc gia được chia thành 5 giai đoạn: xã hội truyền thống, chuẩn bị cất cánh, cất cánh, tăng trưởng và mức tiêu dùng cao và ứng với mỗi giai đoạn là một dạng cơ cấu kinh tế đặc trưng thể hiện bản chất phát triển của giai đoạn ấy. Theo mô hình này, then chốt nhất là giai đoạn “cất cánh” [dẫn theo 67]. Để chuẩn bị điều kiện cất cánh nền kinh tế phải có một hoặc nhiều ngành chủ đạo cho “cất cánh”. Nông nghiệp trong giai đoạn chuẩn bị “cất cánh” có nhiệm vụ như một cuộc cách mạng nông nghiệp nhằm đảm bảo lương thực, thực phẩm cho dân cư. Lí thuyết của ông có ý nghĩa trong việc xác định trình độ phát triển của mỗi quốc gia trong mỗi giai đoạn và đưa ra những gợi ý cho các nhà hoạch định chiến lược Việt Nam “đi tắt đón đầu” cho sự lựa chọn cơ cấu kinh tế. Tuy nhiên, tăng trưởng là một quá trình liên tục chứ không phải đứt đoạn nên khó có thể phân chia thành những giai đoạn chính xác như vậy. Mặt khác, sự tăng trưởng và phát triển ở một số nước không nhất thiết phải phân chia 5 giai đoạn như trên và “tại sao cất cánh lại xảy ra ở nước này mà không xảy ra ở nước khác?” thì lí thuyết chưa giải thích được điều đó.

- Học thuyết Keynes: ra đời trong bối cảnh khủng hoảng kinh tế cuối những năm 29 đầu những năm 30 của thế kỷ XX [dẫn theo 95]. Nội dung của học thuyết rất rộng, bao hàm nhiều vấn đề khác nhau để giải quyết các vấn đề của chủ nghĩa tư bản lúc bấy giờ, trong đó có một số điều có thể vận dụng như là cơ sở lí luận cho việc hoạch định chiến lược phát triển kinh tế nói chung và nông nghiệp nói riêng.

Xuất phát từ chỗ đánh giá cao vai trò của tiêu dùng và trao đổi, học thuyết này vạch rõ vai trò to lớn của thị trường với phát triển kinh tế, từ đó xác định rõ cần phải áp dụng nhiều biện pháp nâng cao nhu cầu tiêu dùng, kích thích “cầu có hiệu quả”, tức là tìm biện pháp mở rộng thị trường trong và ngoài nước. Ý tưởng này gợi lên suy nghĩ về quá trình công nghiệp hóa, đồng thời cũng là quá trình phát triển kinh tế hàng hóa, tìm và mở rộng thị trường.

- Nhìn nhận vai trò của thị trường lao động nông thôn và quá trình công nghiệp hóa nông nghiệp như một tiến trình chuyển dịch lao động giữa hai lĩnh vực chính nông nghiệp và công nghiệp, Lewis đưa ra mô hình nguồn lao động vô hạn và thị trường không hoàn hảo. Theo Lewis [dẫn theo 67], một nền kinh tế nông nghiệp

ở giai đoạn đầu phát triển, lao động nông thôn sống chủ yếu bằng nghề nông rất đông. Trong quá trình công nghiệp hóa, lao động chuyển sang lĩnh vực công nghiệp, phần đóng góp về GDP và tỷ lệ lao động của lĩnh vực nông nghiệp đến một thời điểm nhất định sẽ giảm xuống. Một chiến lược phát triển kinh tế thành công phải đảm bảo cho quá trình chuyển tiếp này diễn ra êm đẹp, lao động nông thôn đi thẳng sang sản xuất công nghiệp và dịch vụ mà không làm tăng lao động thất nghiệp ở thành phố.

- *Tiếp thu và phát triển các lý thuyết của các nhà kinh tế đã công bố về các quá trình phát triển nông nghiệp, Peter Timmer phân quá trình phát triển nông nghiệp của một nước thành 4 giai đoạn [dẫn theo 69].* Mỗi giai đoạn kèm theo các chính sách thích hợp của chính phủ cần ban hành.

Giai đoạn 1 được đặc trưng bởi năng suất lao động nông nghiệp tăng lên và lao động trong lĩnh vực chuyển sang các lĩnh vực khác một cách chậm chạp. Do vậy, chính sách của chính phủ giai đoạn này là tập trung vào đầu tư đẩy mạnh nghiên cứu khoa học và tạo ra công nghệ mới, đầu tư vào kết cấu hạ tầng nông thôn, tạo ra cơ cấu thị trường và giá cả có lợi cho nông dân nhằm kích thích phát triển sản xuất và áp dụng công nghệ mới.

Giai đoạn 2 là giai đoạn nông nghiệp đóng góp cho nền kinh tế, lĩnh vực nông nghiệp nhờ tạo ra sản phẩm dư thừa, sẽ chuyển các nguồn lực tài chính và lao động sang các khu vực khác của nền kinh tế với tốc độ nhanh, chủ yếu đầu tư cho quá trình công nghiệp hóa. Chính sách của chính phủ trong giai đoạn này là tiếp tục duy trì tăng trưởng ổn định cho lĩnh vực nông nghiệp.

Giai đoạn 3 lĩnh vực nông nghiệp tham gia mạnh hơn vào quá trình phát triển kinh tế thông qua kết cấu hạ tầng cải thiện, thị trường lao động và thị trường vốn phát triển, thúc đẩy sự liên kết giữa kinh tế nông thôn và thành thị. Lĩnh vực nông nghiệp sẽ chịu ảnh hưởng nhiều hơn bởi giá cả thay đổi và bởi các vận động vĩ mô trong kinh tế thương mại. Trong giai đoạn này, lao động nông nghiệp sẽ giảm xuống và chuyển tài nguyên cũng như lao động từ nông nghiệp sang các lĩnh vực khác của nền kinh tế sẽ bị chững lại. Chính sách của chính phủ trong giai đoạn này cần thúc đẩy tính hiệu quả trong sản xuất nông nghiệp, điều tiết thu nhập giữa nông thôn và thành thị.

Giai đoạn 4 được đặc trưng bởi hoạt động sản xuất nông nghiệp trong nền kinh tế công nghiệp, trong đó lao động nông nghiệp chiếm tỷ lệ thấp và ngân sách chi cho nhu cầu tiêu thụ lương thực và thực phẩm chiếm phần nhỏ trong ngân sách chi tiêu của các gia đình thành thị.

Nếu theo mô hình này, Việt Nam đang ở đầu giai đoạn phát triển thứ nhất và có một số lĩnh vực có sự gôi đầu sang giai đoạn thứ 2.

- Với công trình đoạt giải Nobel năm 1993 “Áp dụng lý thuyết kinh tế và phương pháp định lượng trong giải thích các thay đổi về kinh tế và tổ chức” của Douglass C. North [dẫn theo 69], Ông chia quá trình phát triển của mỗi nền kinh tế thành 4 thời kỳ tùy theo chi phí thông tin và cưỡng chế thực hiện hợp đồng của mỗi thời kỳ: đó là thời kì tự cung, tự cấp trong quy mô nông nghiệp làng xã; thời kỳ sản xuất hàng hóa nhỏ, quan hệ sản xuất kinh doanh vươn ra ngoài phạm vi làng xã, tới mức vùng; thời kì sản xuất hàng hóa quy mô trung bình và thời kì sản xuất hàng hóa với quy mô lớn.

- Vấn đề phân bố không gian của ngành nông nghiệp (Tổ chức lãnh thổ nông nghiệp) đã có sức thu hút mãnh mẽ sự chú ý của nhiều nhà khoa học. Người đầu tiên đưa ra ý tưởng về tổ chức lãnh thổ sản xuất nông nghiệp là nhà khoa học người Đức J.H.Von Thunen (1783 - 1850). Đầu những năm 1800, Ông đã đề xuất "lí thuyết vành đai giữa trung tâm và ngoại vi" [135].

Dựa trên các kết quả tính toán của mình, Thunen kết luận về vai trò của thành phố đối với sự phát triển nông nghiệp. Nếu vùng sản xuất ở quá xa trung tâm thành phố thì chi phí vận chuyển sẽ rất cao, hay ở quá gần trung tâm đô thị thì giá địa tô chênh lệch cũng rất lớn. Cả hai trường hợp trên đều không thu được lợi nhuận tối đa. Một sản phẩm nông nghiệp thu được lợi nhuận tối đa sẽ có một khoảng cách tương ứng nhất định với nơi tiêu thụ. Khi chi phí vận chuyển biến thiên, trên vùng sản xuất nông nghiệp sẽ xuất hiện các vành đai sản xuất. Theo ông, xung quanh một thành phố trung tâm (với giả thiết là hoàn toàn cô lập với các trung tâm khác) có thể tồn tại và phát triển 5 vành đai sản xuất chuyên môn hóa nông nghiệp theo nghĩa rộng liên tục từ trong ra ngoài, gồm: vành đai 1 là thực phẩm tươi sống; vành đai 2 là lương thực, thực phẩm; vành đai 3 là cây ăn quả; vành đai 4 là lương thực và chăn nuôi; vành đai 5 là vành đai lâm nghiệp. Tùy theo điều kiện cụ thể về điều kiện tự nhiên, tập quán sản xuất của cư dân và quy mô của thành phố trung tâm mà xác định số lượng vành đai, cũng như bán kính của mỗi vành đai nông nghiệp.

Mô hình 5 vành đai nông nghiệp thể hiện bước đầu về ý tưởng tổ chức lãnh thổ. Tuy nhiên, vành đai nông nghiệp theo lí thuyết của Thunen cũng bộc lộ hạn chế. Đó là các vành đai nông nghiệp này mới chỉ được nghiên cứu trong sự tương tác giữa hai nơi ở cùng một thời điểm, mà trên thực tế có rất nhiều trung tâm cùng tồn tại và chúng đều có những tác động khác nhau lên sự xuất hiện của các vành đai nông nghiệp.

- Một trong những chuyên gia Xô Viết hàng đầu nghiên cứu về tổ chức lãnh thổ sản xuất nông nghiệp là K.I.Ivanov. Trong luận án tiến sĩ với đề tài "Tổ chức

lãnh thổ sản xuất các sản phẩm nông nghiệp và việc tính toán điều kiện của địa phương" (1967), ông đã phát triển tư tưởng của N.N.Kôlôxôvski về các thể tổng hợp lãnh thổ sản xuất và đưa nó vào lĩnh vực nông nghiệp. Về phương diện lý thuyết, K.I.Ivanov xây dựng cơ sở cho phương pháp dòng (băng chuyền) trong việc tổ chức sản xuất của nhiều phân ngành nông nghiệp. Nhiều tư tưởng và quan niệm mới của ông đã được ứng dụng trong lĩnh vực lập mô hình các hệ thống lãnh thổ.

Lần đầu tiên, giáo trình chuyên ngành "Tổ chức lãnh thổ sản xuất nông nghiệp" được giảng dạy tại trường tổng hợp Matxcova vào năm 1967 và được xuất bản năm 1974 sau khi ông mất.

Ngoài công trình quan trọng nói trên, K.I.Ivanov còn có hàng loạt các công trình khác liên quan tới TCLTNN như "Tiền bộ khoa học kỹ thuật và các hình thức mới về TCLTNN gắn liền với sự tiến bộ này" (1969), "Một số vấn đề và phương pháp luận và phương pháp tiếp cận hệ thống trong việc nghiên cứu TCLTNN" (1971), "Hệ thống lãnh thổ sản xuất nông nghiệp" (1971)... [Dẫn theo 87].

2.2. Ở Việt Nam

Trên cơ sở hệ thống lý luận phát triển kinh tế nói chung và phát triển nông nghiệp nói riêng của các nhà kinh tế thế giới, các nhà khoa học, các nhà kinh tế của Việt Nam đã kế thừa và phát triển lý luận về sự phát triển nông nghiệp cả cơ sở lý luận, cơ sở thực tiễn cũng như vai trò và các điều kiện phát triển của nông nghiệp nước ta.

- *Nghiên cứu những vấn đề cơ sở lý luận của nông nghiệp, nhóm tác giả Nguyễn Thế Nhã, Vũ Đình Thắng [58] đã hệ thống hóa một cách có chọn lọc những cơ sở lý luận của nông nghiệp như vai trò, vị trí, đặc điểm của ngành nông nghiệp. Mặt khác, các tác giả đã phân tích lịch sử phát triển nông nghiệp Việt Nam, xu hướng và những biện pháp tạo điều kiện cho nông nghiệp nước ta phát triển trong xu thế hội nhập.*

Theo các tác giả này, chiến lược phát triển của nông nghiệp Việt Nam là hướng tới một nền nông nghiệp hàng hoá đa dạng có sức cạnh tranh cao nhằm phát huy lợi thế so sánh của cả nước và từng vùng sinh thái, áp dụng các thành tựu tiến bộ khoa học - công nghệ, khoa học quản lý nhằm tạo nhiều sản phẩm với chất lượng cao, tạo việc làm tăng thu nhập cho nông dân... Nhanh chóng đổi mới cơ cấu sản xuất trong nội bộ từng ngành trên cơ sở đảm bảo an ninh lương thực, thực phẩm, khai thác có hiệu quả lợi thế so sánh, thay thế nhập khẩu một số nông sản.

- Một trong những tác giả có nhiều công trình viết về nông nghiệp, nông thôn Việt Nam là Đặng Kim Sơn. Tác giả đã nghiên cứu tổng quan một số vấn đề về phát triển nông nghiệp và nông thôn trên thế giới [dẫn theo 71] trong điều kiện khoa học, công nghệ phát triển nhanh. Ông đặt sự phát triển của nông nghiệp trong bối cảnh toàn cầu hóa kinh tế cũng như nhìn nhận vai trò của Nhà nước và các tổ chức phi chính phủ và của người nông dân trong phát triển nông nghiệp, nông thôn. Tác giả đã đánh giá một cách khái quát về tình hình và đặc điểm nông nghiệp, nông thôn Việt Nam sau 20 năm đổi mới và phát triển [68]. Quá trình đổi mới của nông nghiệp Việt Nam bắt đầu từ đổi mới về chính sách và thể chế, đổi mới trong tổ chức sản xuất. Ở đây, vai trò của Nhà nước là cực kỳ quan trọng trong công tác quy hoạch, kế hoạch, xây dựng kết cấu hạ tầng cho nông nghiệp, nông thôn. Từ sự phát triển nông nghiệp của Nhật Bản, Đài Loan, Hàn Quốc, Trung Quốc... tác giả đã đúc kết thành những bài học kinh nghiệm cho sự phát triển nông nghiệp của Việt Nam. Từ đó xây dựng mô hình CNH từ phát triển nông nghiệp.

- Nhìn nhận vai trò của nông nghiệp, Vũ Đình Thắng, Hoàng Văn Đình [82] và nhiều tác giả khác đều khẳng định nông nghiệp là ngành kinh tế quan trọng trong nền kinh tế quốc dân. Vai trò của nông nghiệp không những đảm bảo lương thực, thực phẩm cho nhân dân, thúc đẩy chăn nuôi, góp phần tạo việc làm và phân công lao động mà còn là nguyên liệu thúc đẩy sự phát triển các ngành kinh tế khác như công nghiệp, giao thông vận tải, dịch vụ.... Mặt khác, nông nghiệp phát triển tạo điều kiện để công nghiệp hóa nông thôn, một bộ phận đông đảo của dân số nước ta. Trong bối cảnh toàn cầu và hội nhập kinh tế quốc tế, nông nghiệp phát triển, tạo điều kiện nâng cao lợi thế cạnh tranh của nông sản Việt Nam đối với thị trường khu vực và quốc tế.

- Nông nghiệp là ngành kinh tế gắn chặt với các điều kiện tự nhiên và các điều kiện kinh tế xã hội. Nông nghiệp phụ thuộc vào điều kiện tự nhiên mà trước hết là gắn liền với tài nguyên đất, nước, khí hậu... Mỗi sự biến đổi của các điều kiện tự nhiên đều tác động sâu sắc đến hoạt động sản xuất nông nghiệp. Viết về vấn đề này, Đào Châu Thu đã phân tích tài nguyên đất của nước ta và nhấn mạnh ý nghĩa của đất đối với sản xuất nông nghiệp. Tác giả cũng đã phân chia độ dốc của vùng núi Việt Nam và xây dựng mô hình canh tác hợp lý trên đất dốc, đồng thời đặt ra những thách thức trong quá trình canh tác trên đất dốc [91].

Cùng khía cạnh này, Phạm Văn Cơ [13] đã đánh giá vai trò của đất trong quá trình xây dựng nông thôn mới, bên cạnh đó, tác giả cũng đưa ra các mô hình sử dụng hợp lý, có hiệu quả tài nguyên đất vùng nông thôn trong quá trình công nghiệp hóa.

- *Đánh giá và phân loại đất Việt Nam theo phương pháp của FAO*, Tôn Thất Chiểu và Lê Thái Bạt [14] đã so sánh, đối chiếu những tính chất vốn có của vạt đất cần đánh giá với tính chất theo yêu cầu của đối tượng sử dụng. Việc đánh giá thích nghi đất có ý nghĩa đặc biệt quan trọng đối với công tác quy hoạch phát triển ngành trồng trọt, chăn nuôi, phát triển lâm nghiệp và việc chuyển đổi cơ cấu cây trồng.

- *Đánh giá quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa*, Ngô Đình Giao [34] đã rút ra bài học kinh nghiệm từ quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế của một số quốc gia trong khu vực và thế giới như: Ấn Độ, Hàn Quốc, Singapo, Indonexia, Malaixia, Thái lan và Philippin. Từ thực tế công nghiệp hóa của các nước này, tác giả đã phân tích thực trạng chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp nước ta và đánh giá những tồn tại của chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp. Từ đó, ông đề xuất phương hướng quá trình công nghiệp hóa của Việt Nam trong nông nghiệp là phát triển theo hướng đa dạng hóa, có năng suất, chất lượng, hiệu quả ngày càng cao, có độ bền vững về kinh tế và sinh thái, nhằm thực hiện mục tiêu trực tiếp là: đảm bảo an ninh lương thực, thực phẩm cho tiêu dùng trong nước, nguyên liệu cho công nghiệp chế biến, sản phẩm cho xuất khẩu và tạo ra thị trường rộng lớn cho tiêu thụ sản phẩm của công nghiệp và các ngành dịch vụ. Theo hướng trên, nông nghiệp phải tăng cả diện tích, sản lượng, năng suất (bao gồm năng suất đất, năng suất vật nuôi, năng suất lao động) và hiệu quả.

- *Nghiên cứu về sự chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp*, Lê Du Phong và Nguyễn Thành Độ [62] đánh giá quá trình chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp trong nền kinh tế của nước ta tuy có nhiều tiến bộ nhưng cũng bộc lộ những khó khăn, thách thức trong tiến trình hội nhập. Trong đó, cơ cấu ngành nông nghiệp đang tồn tại những bất hợp lý nghiêm trọng thể hiện ở sự chuyển biến còn chậm chạp, các ngành nông – lâm – ngư nghiệp chưa gắn kết lại với nhau trong một cơ cấu kinh tế thống nhất, thậm chí còn gây trở ngại và mâu thuẫn trong quá trình phát triển. Mặc dù đã xuất hiện mô hình kết hợp nông - công nghiệp, gắn nông nghiệp với công nghiệp chế biến nhưng nhìn chung, sản xuất nông nghiệp chưa tạo thành một thể thống nhất gắn bó. Tình trạng phát triển rời rạc, không gắn với chế biến và thị trường tiêu thụ đang là phổ biến.

- *Một trong những đặc trưng nổi bật của chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp*, theo Vũ Đình Thắng [82], là một quá trình và cũng không thể có một cơ cấu hoàn thiện, bất biến. Nói cách khác, chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp là một tất yếu khách quan, nhưng đó không phải là quá trình vận động tự phát, mà con người cần phải tác động để thúc đẩy quá trình chuyển dịch này nhanh và hiệu quả

hơn. Trên cơ sở nhận thức và nắm bắt được quy luật vận động khách quan, con người tìm và đưa ra những biện pháp đúng đắn tác động để làm cho quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế diễn ra đúng mục tiêu và định hướng đã vạch ra.

Ngoài ra, tác giả đã phân loại hệ thống các chỉ tiêu đánh giá trình độ và hiệu quả kinh tế của cơ cấu kinh tế nông thôn.

Các chỉ tiêu đánh giá trình độ cơ cấu kinh tế gồm có: cơ cấu giá trị sản xuất, cơ cấu lao động, cơ cấu sử dụng đất, cơ cấu vốn đầu tư. Các chỉ tiêu đánh giá hiệu quả kinh tế và chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp: năng suất ruộng đất (Tính theo giá trị), năng suất cây trồng và vật nuôi, giá trị tổng thu nhập, hiệu quả vốn đầu tư, năng suất lao động nông thôn, thu nhập bình quân một khẩu, một lao động nông nghiệp.

- *Nghiên cứu về sự phát triển, phân bố và kỹ thuật gieo trồng*, trong các công trình [27], [28], [29], Bùi Huy Đáp tập trung phân tích đặc điểm sinh thái của cây lúa. Trong điều kiện miền Bắc có mùa đông lạnh, nông dân đồng bằng Bắc Bộ thường trồng lúa vào vụ mùa là chính để tránh rét và có mưa. Những vùng trũng và những nơi có điều kiện thủy lợi mới gieo cấy vụ chiêm trong điều kiện giá lạnh nên năng suất thấp. Các công trình nghiên cứu của ông đã được đúc kết từ lí thuyết và thực tế. Từ đó ông đưa ra thời điểm gieo, cấy cho vụ lúa xuân ở miền Bắc là trước và sau lập xuân là thích hợp nhất. Cho đến nay, vụ lúa chiêm, xuân ở miền Bắc nước ta được gieo trồng đại trà, cho năng suất cao góp phần đảm bảo an ninh lương thực trong nước và tạo nguồn hàng cho xuất khẩu.

Nghiên cứu về đặc điểm sinh thái một số cây trồng chủ yếu nhằm nâng cao hiệu quả của nông nghiệp Việt Nam, Đào Thế Tuấn [96] đã đi tiên phong trong nghiên cứu cơ sở khoa học và thực tiễn của việc xác định cơ cấu cây trồng hợp lí. Tác giả đã phân tích đặc điểm sinh thái cây lúa, ngô... Từ những nghiên cứu cá thể, năm 1965 tác giả đã chuyển sang nghiên cứu sinh lí ruộng lúa năng suất cao với việc nghiên cứu quá trình quang hợp, dinh dưỡng khoáng... Công trình nghiên cứu này đặt cơ sở cho việc tạo ra những cánh đồng 10 tấn/ha vào những năm 70 của thế kỉ trước tại các HTX tỉnh Thái Bình, Hưng Yên...

- *Cùng nghiên cứu về cây lúa*, Vũ Tuyên Hoàng [38, 39] đã nghiên cứu thành công công trình đưa lúa chiêm xuân trồng vào vụ mùa. Sau thành công này, lần lượt các giống lúa đông xuân 1, đông xuân 2 và đông xuân 3 ra đời cho năng suất cao và được trồng cả vụ chiêm xuân và vụ mùa, điển hình là NN8. Ngày nay, những giống lúa của ông ít được gieo trồng, nhưng việc nghiên cứu tạo ra nó và đưa vào sử dụng rộng rãi ở miền Bắc những năm 70 – 80 của thế kỷ trước góp phần không nhỏ để giải quyết vấn đề lương thực quốc gia.

- *Đánh giá nông nghiệp Việt Nam sau 15 năm đổi mới*, Nguyễn Sinh Cúc [16] đã tổng kết những thành công cũng như những tồn tại của nông nghiệp Việt Nam từ 1986 đến nay, đồng thời đưa ra những giải pháp và triển vọng cho nông nghiệp Việt Nam từ bài học kinh nghiệm CNH, HĐH nông nghiệp và phát triển nông thôn của một số nước trên thế giới. Tác giả đã xây dựng 3 mô hình CNH, HĐH nông nghiệp, nông thôn vùng đồng bằng sông Cửu Long đó là mô hình đa dạng hóa nông nghiệp gắn với công nghiệp nông thôn, mô hình phát triển công nghiệp và dịch vụ và mô hình gắn công nghiệp, dịch vụ với nông nghiệp hàng hóa...

- *Một trong những vấn đề bức bách nhất mà ngành nông nghiệp Việt Nam chưa làm được là ổn định đầu ra của sản phẩm*. Đề cập đến vấn đề này, Võ Tòng Xuân [129] có nhiều bài viết, trong đó tiêu biểu là *Nghiên cứu ứng dụng chuỗi giá trị sản xuất và tiêu thụ nông sản*. Trong công trình này, tác giả đề cập đến các tình huống dẫn đến những thành công và thất bại vừa qua của thị trường nông nghiệp Việt Nam, phân tích những điều kiện đáp ứng thị trường và phương pháp vĩ mô cần áp dụng để tạo ra thị trường hấp dẫn cho nông nghiệp Việt Nam. Để chứng minh cho luận điểm của mình, tác giả đã đưa ví dụ về sự thành công của Malaixia với cây cọ dầu. Việc triển khai một chương trình nghiên cứu ứng dụng để tìm ra khung chính sách đồng bộ về chiến lược phát triển thị trường, bắt đầu từ xác định các mặt hàng có lợi thế tương đối vùng nhiệt đới, tổ chức nghiên cứu toàn diện về sản xuất, chế biến và bảo quản mặt hàng, tổ chức tìm thị trường và giữ thị trường, cung cấp thông tin thị trường, tổ chức sản xuất quy mô lớn bằng các HTXNN hoặc trang trại; sửa đổi thêm nữa các luật đầu tư và luật hợp đồng để các nhà đầu tư yên tâm; đẩy mạnh công tác giáo dục và đào tạo nguồn nhân lực cho các ngành, đặc biệt ngành quản lý, kinh doanh nông nghiệp và tăng cường đầu tư cơ sở hạ tầng nông thôn.

Dưới góc độ địa lý học, các nhà khoa học Địa lý thuộc khoa Địa Lý, trường Đại học Sư phạm Hà Nội có nhiều công trình, giáo trình địa lý nông nghiệp có ý nghĩa cả lý luận và thực tiễn.

- *Tác giả Lê Thông [87] đã đúc kết những đóng góp của các nhà địa lý Xô Viết về tổ chức lãnh thổ nông nghiệp*, đồng thời đánh giá một cách tổng quát các nhân tố ảnh hưởng tới việc hình thành tổ chức lãnh thổ nông nghiệp, một số hình thức tổ chức lãnh thổ nông nghiệp phổ biến hiện nay trên thế giới.

Trước khi viết về *Tổ chức lãnh thổ sản xuất nông nghiệp trên Thế giới* [86], Tác giả đã phân tích đặc điểm sản xuất nông nghiệp hiện nay, từ đó tác giả đã phân tích các hình thức tổ chức sản xuất nông nghiệp của các nước XHCN và TBCN, so

sánh để thấy điểm giống và khác nhau giữa các hình thức tổ chức lãnh thổ sản xuất nông nghiệp này. Trên cơ sở phân tích các hình thức tổ chức sản xuất nông nghiệp, Ông đã có những dự báo về xu hướng phát triển nông nghiệp trên thế giới.

Kế thừa cơ sở lý luận và thực tiễn phát triển nông nghiệp trên thế giới, Lê Thông [88] cũng đã nêu bật vai trò, đặc điểm, các nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển nông nghiệp Việt Nam cũng như những kết quả mà nông nghiệp Việt Nam đã đạt được xét theo khía cạnh ngành và khía cạnh lãnh thổ. Từ những kết quả này, tác giả đã phác họa bức tranh nông nghiệp Việt Nam trong tương lai.

- *Viết về các vùng kinh tế Việt Nam*, tập thể tác giả Lê Thông, Nguyễn Quý Thao, Nguyễn Minh Tuệ, Nguyễn Thị Sơn và Lê Thị Mỹ Dung [90] đã có những đánh giá tổng quan về vùng, các loại vùng tiêu biểu. Khi phân chia các vùng kinh tế, các tác giả phân tích, so sánh các vùng kinh tế của Nga và của Việt Nam, đồng thời cũng phân tích, đánh giá các vùng trọng kinh tế trọng điểm theo quan niệm của Ngô Doãn Vịnh.

- *Viết về Địa lí nông nghiệp*, Nguyễn Việt Thịnh, Đỗ Thị Minh Đức [84] ngoài việc phân tích vai trò, đặc điểm của ngành nông nghiệp, các tác giả còn khẳng định các nhân tố tự nhiên, các nhân tố kinh tế xã hội là những nguồn lực cho sự phát triển nông nghiệp. Từ những nguồn lực này, các tác giả đã phân tích sự phát triển và phân bố nông nghiệp dưới góc độ cơ cấu ngành và cơ cấu lãnh thổ nông nghiệp cả những mặt tích cực cũng như những bất cập cần phải khắc phục, từ đó định hướng cho sự phát triển và phân bố nông nghiệp trong tương lai.

- Cùng quan điểm với các tác giả trên, Nguyễn Minh Tuệ, Nguyễn Việt Thịnh, Lê Thông [100] đã phân tích vai trò, đặc điểm và các nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố nông nghiệp thế giới. Ngoài ra, tác giả phân tích sâu sắc đặc điểm sinh thái của một số loại cây trồng, vật nuôi phổ biến hiện nay trên thế giới. Tác giả đã vẽ một bức tranh nông nghiệp thế giới xét theo cơ cấu ngành và cơ cấu lãnh thổ.

Các công trình khoa học trên đều nghiên cứu tổng quan cơ sở lý luận và cơ sở thực tiễn của phát triển nông nghiệp nói chung và nông nghiệp Việt Nam nói riêng. Trên cơ sở đánh giá các điều kiện phát triển nông nghiệp nước ta, các tác giả đã phác họa bức tranh của nông nghiệp Việt Nam cả hiện tại và tương lai cũng như đánh giá sự phát triển nông nghiệp theo 7 vùng kinh tế.

- Bên cạnh các công trình nghiên cứu có tính chất hệ thống, quy mô lớn, nông nghiệp cũng là một chủ đề rộng lớn, có sức hấp dẫn đối với các nghiên cứu sinh và được các nghiên cứu sinh lựa chọn làm đề tài cho luận án tiến sĩ của mình.